

WEEK 23
UNIT 11: TRAVELING AROUND VIETNAM
PERIOD 65: Read

I. VOCABULARY

STT	Từ vựng	Nghĩa
1.	limestone (n)	đá vôi
2.	expression (n)	sự diễn tả
3.	sand (n)	cát
4.	mind (v) + V_ing	phiền
5.	sunbathe (v)	tắm nắng
6.	florist (n)	người bán hoa
7.	suggest (v) + V_ing → (make a) suggestion (n)	Đề nghị → (đưa ra) lời đề nghị, sự gợi ý
8.	import (v) ≠ export (v)	nhập khẩu ≠ xuất khẩu
9.	revolutionary (n)	cách mạng
10.	adventure (n)	cuộc phiêu lưu
11.	seaside (n)	bờ biển
12.	canoe (n)	ca nô, xuồng
13.	resort (n)	vùng, khu nghỉ mát
14.	hire (v)	thuê
15.	ocean (n) → oceanic (adj)	Đại dương → thuộc về đại dương
16.	rescue (v)	cứu hộ
17.	institute (n)	học viện, viện nghiên cứu
18.	wind (n) → windy (adj)	Gió → có gió
19.	giant (adj)	to lớn, khổng lồ
20.	blow (v)	thổi
21.	Buddha (n)	phật
22.	lean (v) <u>against</u>	nghiêng đi, dựa, tựa
23.	offshore (n)	ngoài khơi
24.	overturn (v)	lật đổ, lật úp
25.	island (n)	hòn đảo
26.	deep (adj)	Sâu

	→ depth (n)	→ độ sâu
27.	accommodation (n)	chỗ ở
28.	stumble (v) ... over	vấp, ngã
29.	daily (adj/ adv)	hàng ngày
30.	realize (v)	nhận ra
31.	northern (adj)	phía bắc
32.	alarm clock (n)	đồng hồ báo thức
33.	southern (adj)	phía nam
34.	be made in (v)	sản xuất tại
35.	eternal (n)	vĩnh cửu
36.	be kept in (v)	Được giữ trong
37.	waterfall (n)	thác nước
38.	be wrapped in (v)	được gói, bọc, quấn
39.	tribe (n) → tribal (adj)	bộ tộc, bộ lạc → thuộc về bộ tộc
40.	cigarette (n)	thuốc lá
41.	slope (n)	sườn, dốc
42.	jungle stream (n)	suối trong rừng
43.	see + O + V_ing ...	thấy ai đó đang làm gì ...

II. HOMEWORK

- Learn vocabulary and word form by heart

- Do the exercises below:

EXERCISES

A. Choose the suitable words or phrases to fill in the blanks.

1. He suggested _____ to the museum instead of the zoo. (go, went, **going**)
2. There are flights daily to HCM City _____ Monday. (besides, after, **except**, on)
3. There are__ flights from HCM City to Hanoi. You can go whenever you can. (dairy, diary, dialing, **daily**)
4. Ha Long Bay is recognized by UNESCO as a _____. (**World Heritage Site**, World Health Organization, Wonder of the World, Friend of the Earth)
5. There is a large _____ institute in Nha Trang. (sea, sea water, **oceanic**, ocean)
6. Donna sells flowers. She is a _____. (tourist, grocer, librarian, **florist**)
7. It's difficult to find _____ at busy times in Da Lat. (waterfalls, resorts, mountains, **accommodation**)
8. The canoe _____ up and down the water when it rained. (blew, ran, picked, **moved**)
9. His alarm clock didn't _____, so he was late for work. (call, **go off**, realize)
10. The man _____ under the tree is his brother. (sits, sat, to sit, **sitting**)
11. She cried _____ when she heard the news. (excited, ,exciting, **excitedly**)

12. We are having a _____ time in Hanoi. (**wonderful**, wonder, wonderfully)
 13. The country is very ____, so travelling by road is difficult. (mountain, mountainous, mountaineer)
 14. I can see a boy _____ a water buffalo. (ride / **riding** / to ride / rode)
 15. My sister likes sweet _____ from chocolate. (making / **made** / to make / that make)

B. Supply the correct form of the word:

WORD FORM – UNIT 11

1. depart (v) : khởi hành → departure (n) : sự khởi hành	7. accommodate (v): cung cấp phòng ở cho ai → accommodation (n) : chỗ ở
2. mountain (n) : núi → mountainous (adj) : thuộc về núi	8. luck (n) : may mắn → lucky (adj) = fortunate (adj) : may mắn → unluckily (adv) = unfortunately (adv): thật không may
3. day (n) : ngày → daily (adj/ adv) : hằng ngày	9. danger (n): sự nguy hiểm → dangerous (adj) : nguy hiểm → dangerously (adv): 1 cách nguy hiểm
4. tribe (n) : bộ tộc → tribal (adj) :thuộc về bộ lạc	10. fly (v) : bay → flights(n) : chuyến bay
5. flower (n) : hoa → florist (n) : người bán hoa	
6. arrive (v) : đến → arrival (n) : điểm đến	

1. Every week there are two **flights** (fly) from HaNoi to Nha Trang .
 2. It's difficult to find **accommodation** (accommodate)
 3. The next **departure** (depart) for New York will be at 11.00.
 4. The **arrival** of Flight 106 from Boston has been delayed. (arrive)
 5. **Unfortunately**, dark clouds soon appeared and it began to rain. (fortunate)
 6. There are flights **daily** (day) from HCM City to Nha Trang.
 7. My family lives in a Northern **mountainous** region. (mountain)
 8. Da Lat is a **wonderful** resort. (wonder)
 9. It's not easy to find cheap **accommodation** at busy time.(accommodate)
 10. John is **interested** in the history of Viet Nam.(interest)
 11. Most tourists like visiting **tribal** villages.(tribe)
 12. Lan's sister is a (flower) **florist**. She owns a flower shop in town.